

ĐIỂM THI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025 - PHẦN TRẮC NGHIỆM
KHỐI 12

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
1	001134	Nguyễn Bảo An	12A1	121	2.80	121	3.85	121	7.00	721	4.75	212	5.50						
2	001095	Nguyễn Hồng An	12A1	123	5.50	124	4.90	131	6.75	321	5.75	212	7.00						
3	001027	Lê Công Bắc	12A1	123	2.45	213	3.15	133	5.75	221	3.00	122	4.00						
4	001114	Nguyễn Mạnh Cường	12A1	124	4.30	121	3.15	133	3.75	321	3.25	211	4.25						
5	001044	Trần Quang Duy	12A1	121	3.85	212	4.03	134	5.50	221	4.50	121	6.50						
6	001245	Vòng Bảo Duy	12A1	121	3.65	123	5.60	133	5.00	421	4.50	211	5.50						
7	000879	ĐỖ XUÂN ĐỨC	12A1	122	4.60	213	2.98	133	6.00	321	5.00	123	4.60						
8	000896	Vũ Quang Hào	12A1	122	5.25	213	4.38	133	6.00	121	6.50	122	6.75						
9	000834	Võ Đức Hòa	12A1	123	5.75	212	3.68	133	6.25	121	4.75	122	6.25						
10	000804	Dương Nguyễn Nhật Huy	12A1	124	5.05	212	4.55	133	6.50	121	5.25	121	7.00						
11	001197	Nguyễn Thế Hưng	12A1	121	4.85	122	4.03	131	6.25	321	3.85	213	6.50						
12	000923	Nguyễn Thị Thu Hương	12A1	121	3.45	213	4.03	131	6.25	221	5.00	123	5.75						
13	001059	Nguyễn Hoàng Gia Khang	12A1	121	4.05	211	3.15	133	5.50	321	5.25	121	4.25						
14	000961	Trần Văn Long Khanh	12A1	121	4.15	213	3.33	134	6.25	121	4.25	121	4.25						
15	001182	Hồ Tuấn Khoa	12A1	122	4.60	124	4.73	123	5.50	621	6.00	214	6.25						
16	001080	Lê Minh Khôi	12A1	121	3.25	123	3.50	133	4.75	521	4.50	122	5.50						
17	000990	Hồ Thạch Bảo Khương	12A1	123	3.65	211	4.55	131	6.25	421	5.00	124	5.00						
18	001036	Hà Ngọc Linh	12A1	122	4.10	213	4.55	133	5.25	321	4.10	123	6.25						
19	000888	Võ Hoàng Long	12A1	123	2.40	213	3.50	132	6.00	121	4.25	123	3.75						
20	000936	Ngô Đức Mạnh	12A1	122	4.10	214	4.90	134	6.75	221	5.00	123	6.00						
21	000863	Bùi Phương Minh	12A1	122	4.40	211	3.68	131	6.00	121	4.50	122	5.00						

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
22	000815	Trương Diễm My	12A1	121	4.60	213	4.20	133	6.25	121	4.50	123	5.50						
23	000934	Nguyễn Hoàng Nghĩa	12A1	121	4.35	211	3.50	132	6.50	321	5.25	124	5.75						
24	001269	Nguyễn Huỳnh Kim Ngọc	12A1	122	5.35	124	2.63	132	6.00	121	5.25	214	5.25						
25	001168	Nguyễn Bá Hà Nguyên	12A1	121	6.50	121	5.60	131	6.75	221	6.25	213	6.75						
26	000882	Lê Hồ Yến Như	12A1	124	4.20	212	4.38	131	5.50	221	4.50	124	5.50						
27	001227	Nguyễn Hoàng Gia Phú	12A1	124	4.40	122	3.15	134	5.25	121	6.25	211	5.10						
28	000995	Dương Văn Phúc	12A1	124	4.60	213	4.38	133	6.00	321	4.50	122	6.00						
29	001072	Lê Thị Thanh Phương	12A1	121	4.05	122	2.98	132	5.75	221	4.25	211	4.50						
30	001066	Vương Nguyễn Viễn Phương	12A1	122	3.70	211	3.15	133	5.50	221	4.50	121	4.75						
31	001091	Đinh Văn Tài	12A1	123	2.20	123	3.15	131	5.50	821	3.75	124	5.10						
32	001098	Phạm Trí Tân	12A1	121	4.50	121	2.45	134	5.25	421	3.50	214	4.50						
33	000833	Bùi Minh Thanh	12A1	122	5.05	213	4.38	133	6.25	221	3.75	121	5.00						
34	000803	Phùng Hoàng Thiên	12A1	123	5.55	211	4.03	131	5.75	321	4.75	121	6.25						
35	001179	Trần Tiến Thông	12A1	122	5.75	122	4.03	131	6.75	121	5.75	214	6.50						
36	000991	Nguyễn Đức Tiến	12A1	122	4.20	213	3.85	131	4.25	221	2.60	121	3.00						
37	001174	Đồng Thị Thảo Trúc	12A1	124	4.20	122	3.68	121	6.50	521	5.25	213	4.50						
38	001035	Mai Hoàng Thanh Trúc	12A1	124	3.00	211	3.50	134	6.25	321	5.00	124	3.25						
39	001154	Dương Đào Cẩm Tuyền	12A1	122	3.45	123	3.68	122	6.25	621	5.00	212	5.50						
40	001096	Nguyễn Huỳnh Bảo Uyên	12A1	123	3.65	122	3.50	124	6.00	821	4.75	211	5.00						
41	001238	Trần Nguyễn Thảo Uyên	12A1	124	3.65	121	3.85	134	6.00	421	4.25	214	5.00						
42	001083	Nguyễn Hữu Khánh Vân	12A1	123	4.80	124	3.85	131	6.50	221	5.25	213	5.50						
43	001148	Hoàng Thị Nhã Vy	12A1	123	3.40	124	2.80	132	6.25	421	4.75	211	6.25						
44	000983	Lại Phương Vy	12A1	122	3.45	214	3.33	131	6.00	321	3.60	124	5.25						
45	001192	Lê Vy	12A1	123	3.40	122	3.85	133	6.75	121	4.25	214	5.25						
1	000745	Đào Nhật Anh	12A10	121	2.60	212	2.98	124	5.75					502	4.25	301	5.00	131	4.75
2	000789	Lê Hoàng Quỳnh Anh	12A10	124	3.70	213	3.68	123	5.00					503	6.50	302	3.75	132	5.50
3	000819	Nguyễn Ngọc Phương Anh	12A10	122	3.10	211	3.33	124	5.75					502	4.10	303	4.60	134	4.75

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
4	000948	Lê Trần Bảo Duyên	12A10	123	3.15	214	4.38	132	7.00					703	5.60	403	4.75	121	4.75
5	001264	Hoàng Tiến Đạt	12A10	121	4.55	122	3.68	133	6.50					501	6.00	401	4.75	122	5.75
6	000808	Nguyễn Tiến Đạt	12A10	122	3.05	214	3.68	124	4.75					501	6.25	301	4.25	133	6.00
7	001263	Nguyễn Hải Đăng	12A10	123	3.50	122	4.73	134	6.00					501	6.00	302	4.75	131	6.00
8	001183	Lê Hoàng Ngọc Giàu	12A10	124	6.05	122	3.15	131	6.25					503	7.00	302	5.50	134	5.50
9	000975	Nguyễn Thị Thu Hà	12A10	124	4.40	212	3.15	134	6.25					502	6.50	303	4.75	121	4.60
10	000854	Nguyễn Thị Ngọc Hân	12A10	124	4.80	211	4.38	121	5.25					503	7.00	301	5.00	132	6.75
11	000925	Phan Nguyễn Chí Hiếu	12A10	124	3.70	212	3.68	121	5.50					503	7.00	302	5.00	134	6.75
12	001061	Đỗ Sĩ Hùng	12A10	123	3.00	214	3.33	132	6.25					504	5.00	303	3.75	123	0
13	001140	Trần Quốc Huy	12A10	124	4.80	124	3.15	131	6.50					701	5.10	403	5.60	134	7.00
14	001009	Nguyễn Tiến Nguyên Khôi	12A10	121	4.50	212	2.98	124	6.75					501	6.50	302	6.50	133	7.00
15	000828	Trương Huệ Lâm	12A10	124	3.90	211	3.33	124	5.00					502	6.25	302	4.50	132	6.25
16	000844	Phạm Nguyễn Phi Long	12A10	121	3.15	211	3.85	121	5.25					501	4.10	301	5.25	132	4.50
17	001215	Kiều Gia Lộc	12A10	122	3.85	123	3.33	131	5.50					504	6.00	303	5.50	133	4.60
18	000907	Bùi Thị Phương Mai	12A10	124	4.60	211	4.90	122	6.50					502	6.25	303	5.25	133	6.75
19	000865	Lương Khải Mạnh	12A10	123	3.60	212	4.38	131	5.00					501	4.85	301	5.00	121	4.85
20	001223	Nguyễn Văn Mạnh	12A10	124	5.00	124	3.33	132	6.25					501	7.00	304	5.25	134	6.25
21	000824	Dương Hà Mí	12A10	123	6.25	214	3.50	124	6.25					504	7.00	304	5.25	132	6.75
22	000822	Hoàng Văn Minh	12A10	122	4.30	213	3.68	121	4.25					503	5.00	304	4.50	134	7.00
23	000790	Nguyễn Bảo Ngọc	12A10	121	4.30	211	3.68	123	4.75					504	6.50	301	5.00	133	7.00
24	000861	Phan Bảo Ngọc	12A10	123	3.50	213	3.85	121	4.75					502	6.50	301	4.25	131	6.25
25	000901	Nguyễn Thị Yến Nhi	12A10	121	3.65	213	4.55	131	6.00					502	6.75	304	7.00	123	4.35
26	000859	Hứa Phạm Hồng Nhung	12A10	122	5.25	214	3.85	122	5.50					504	6.75	302	6.00	134	7.00
27	001018	Nguyễn Chánh Phúc	12A10	122	2.95	212	4.90	122	5.75					503	5.00	303	6.50	132	7.00
28	001138	Đinh Nam Phương	12A10	121	4.10	122	2.98	131	6.25					501	6.25	302	4.35	133	6.25
29	000807	Lê Vũ Thu Phương	12A10	121	4.15	213	3.50	123	5.00					504	0	304	5.00	131	6.50
30	001268	Phạm Hoàng Sang	12A10	123	3.70	121	5.25	133	7.00					501	7.00	301	5.50	132	6.50

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
31	000780	Bùi Thị Thảo	12A10	121	4.30	212	1.75	132	5.50					702	5.25	401	3.50	124	5.00
32	001020	Nguyễn Tổng Phương Thảo	12A10	122	4.55	213	4.38	124	6.25					502	6.75	304	6.00	134	5.25
33	000874	Nguyễn Thanh Thúy	12A10	124	4.60	212	3.15	133	5.25					701	3.60	403	4.00	124	3.50
34	000920	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	12A10	124	5.10	124	2.28	124	5.50					501	6.75	404	4.60	131	6.50
35	001267	Nguyễn Thị Thủy Tiên	12A10	121	4.10	124	3.33	123	5.50					504	6.75	404	6.00	131	6.25
36	000987	Hồ Thị Ngọc Trâm	12A10	122	2.10	211	4.20	132	4.75					703	5.00	302	4.85	132	5.25
37	001006	Nguyễn Thị Bảo Trâm	12A10	124	5.55	213	3.85	121	4.75					504	6.75	304	5.75	134	6.75
38	000772	Phan Nguyễn Thanh Tuyền	12A10	124	6.25	211	4.55	124	6.75					504	7.00	303	7.00	131	6.50
39	000954	Huỳnh Thái Vũ	12A10	122	4.60	212	2.80	133	6.75					501	4.75	303	6.75	121	5.75
40	000821	Nguyễn Ngọc Như Ý	12A10	121	5.05	212	4.55	121	6.50					504	6.75	301	5.00	134	7.00
1	001171	Đỗ Trọng Minh An	12A11	122	4.50	124	3.15	132	6.00					501	6.50	402	4.10	124	6.50
2	000981	Hoàng Nguyễn Quỳnh Anh	12A11	123	2.35	212	4.73	134	6.75					502	5.75	304	5.25	122	4.50
3	000860	Nguyễn Đỗ Phương Anh	12A11	123	3.20	211	3.50	122	6.00					504	6.50	301	4.60	133	6.25
4	000842	Nguyễn Quỳnh Trâm Anh	12A11	123	3.90	213	3.85	123	5.25					504	6.75	303	4.75	133	5.00
5	000950	Phạm Ngọc Vân Anh	12A11	122	5.10	211	4.38	134	5.75					703	5.50	304	5.75	133	6.75
6	001177	Phan Ngọc Quỳnh Anh	12A11	123	4.80	121	3.85	131	6.25					703	4.25	401	4.35	131	7.00
7	000929	Phan Tuấn Dũng	12A11	122	3.20	212	2.98	132	4.75					503	4.00	301	3.75	123	4.25
8	001025	Nguyễn Thị Hồng Đào	12A11	122	4.60	212	4.03	123	5.75					501	5.50	302	4.25	134	6.75
9	001063	Lâm Minh Hà	12A11	121	2.75	213	3.50	122	5.00					503	6.25	303	4.25	131	5.75
10	000927	Võ Ngọc Hoàn Hào	12A11	121	3.95	213	3.33	131	5.25					502	7.00	301	6.00	122	6.25
11	000963	Lê Nguyễn Quang Huy	12A11	124	3.80	212	4.20	132	5.75					501	5.50	304	4.75	123	5.50
12	001019	Nguyễn Thị Thanh Hương	12A11	123	4.80	211	4.55	121	5.50					501	4.50	302	5.00	132	4.50
13	000913	Đặng Hoài Khang	12A11	123	3.90	214	4.90	131	6.75					501	6.50	304	6.00	122	5.10
14	001276	Huỳnh Duy Khang	12A11	122	4.50	124	3.33	131	6.50					504	7.00	301	5.25	134	5.50
15	000871	Đặng Minh Khôi	12A11	122	3.45	212	3.50	134	6.00					501	0	303	4.50	122	4.75
16	000775	Nguyễn Võ Sông Lan	12A11	124	4.60	212	3.85	121	6.50					501	7.00	303	5.00	131	7.00
17	000846	Trần Thị Kim Lan	12A11	124	4.10	214	3.50	123	5.25					501	7.00	302	4.50	134	7.00

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
18	001234	Đoàn Thanh Lộc	12A11	124	4.20	122	2.98	132	5.50					502	5.50	303	4.75	133	6.00
19	001053	Huỳnh Ngọc Thảo Ly	12A11	124	2.60	212	2.45	133	5.00					502	4.50	303	4.25	124	4.00
20	000817	Võ Thị A Mí	12A11	122	3.70	214	3.68	122	5.50					503	6.50	304	4.25	133	5.50
21	001003	Nguyễn Hoàng Minh	12A11	124	3.40	211	2.98	131	6.75					502	7.00	302	5.50	121	5.25
22	000953	Đặng Trí Nghĩa	12A11	123	2.40	212	2.28	134	4.25					501	3.25	302	3.25	124	5.00
23	000820	Trần Thị Bảo Ngọc	12A11	124	3.10	214	3.15	133	6.00					702	3.85	303	5.00	132	5.00
24	000884	Lê Nguyễn Trọng Nhất	12A11	121	3.05	214	2.98	131	3.75					503	2.60	304	3.50	122	4.50
25	001186	Lê Ngọc Bảo Như	12A11	122	3.40	122	3.15	132	6.25					502	7.00	302	5.25	133	6.00
26	001016	Lương Ngọc Bảo Như	12A11	123	2.80	212	2.80	131	6.25					703	6.50	404	5.00	121	5.25
27	001068	Cao Võ Thục Oanh	12A11	124	2.80	211	2.80	122	5.75					501	5.50	302	6.00	131	5.50
28	001207	Tạ Nguyễn Ái Phi	12A11	122	5.00	121	4.55	131	6.50					502	7.00	302	5.10	132	5.75
29	001254	Dư Quang Gia Phú	12A11	121	4.35	122	3.68	123	5.75					503	4.60	403	4.10	133	5.25
30	000835	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	12A11	124	3.00	211	3.15	132	3.75					503	4.25	304	5.00	121	5.00
31	000782	Vũ Đỗ Như Quỳnh	12A11	122	4.40	211	4.20	122	5.75					504	7.00	302	5.25	131	4.50
32	000914	Trần Ngọc Mai Thi	12A11	123	2.95	213	3.68	121	5.50					501	5.75	301	4.75	134	4.00
33	000972	Vũ Mạnh Thiêm	12A11	124	3.50	213	3.15	123	4.75					502	3.25	304	3.50	133	5.00
34	001279	Đỗ Nguyễn Anh Thư	12A11	123	5.25	122	4.03	134	7.00					501	6.75	303	5.25	132	6.75
35	000801	Nguyễn Đỗ Anh Thư	12A11	122	3.80	214	4.73	124	6.00					501	7.00	304	5.50	133	7.00
36	000960	Trần Thị Cẩm Tiên	12A11	121	3.15	211	3.50	122	4.75					502	5.50	303	5.25	132	7.00
37	001090	Lê Đăng Tiến	12A11	122	5.75	124	3.15	132	6.75					503	6.75	302	6.00	133	6.75
38	000870	Trần Hoàng Tiến	12A11	122	4.10	211	4.03	132	4.25					704	6.00	302	5.25	133	5.75
39	000753	Lê Thị Thu Trang	12A11	121	3.10	212	3.33	124	5.50					503	5.25	301	3.10	133	3.50
40	001178	Nguyễn Ngọc Thảo Uyên	12A11	124	4.80	124	4.55	132	6.75					501	7.00	303	5.50	131	6.75
41	001166	Nguyễn Hoài Vũ	12A11	124	4.90	122	3.33	132	6.75					502	5.10	302	4.75	134	6.25
42	001199	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	12A11	124	4.90	121	3.68	131	6.00					504	7.00	303	6.25	131	5.50
43	000816	Nguyễn Thanh Nhật Vy	12A11	122	3.20	214	3.68	132	6.50					504	7.00	301	4.60	123	5.00
1	001029	Nguyễn Đức Anh	12A12	121	1.05	214	2.28	132	3.50					503	1.85	301	2.00	123	3.75

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
2	000902	Trần Ngọc Tú Anh	12A12	121	3.85	213	4.20	131	6.50					502	6.25	304	5.75	124	5.35
3	001152	Lê Nguyễn Hồng Châu	12A12	123	4.30	121	3.50	134	6.50					504	6.25	303	4.85	131	7.00
4	000785	Nguyễn Đoàn Phương Dung	12A12	123	3.35	211	4.20	133	6.25					502	5.25	302	5.50	122	4.75
5	000856	Vũ Tiến Đạt	12A12	123	4.10	213	5.25	121	6.50					502	6.75	403	5.25	124	6.00
6	000760	Nguyễn Quỳnh Hân	12A12	122	3.85	213	3.50	123	6.00					504	7.00	303	5.25	131	6.50
7	000852	Nguyễn Khánh Huy	12A12	121	4.60	213	3.85	134	6.25					504	7.00	304	6.25	124	4.00
8	000921	Lê Vĩ Khang	12A12	124	4.50	212	4.38	131	6.50					503	7.00	302	6.25	123	6.25
9	001262	Ngô Nguyễn Khang	12A12	121	4.10	122	2.28	134	3.75					504	4.25	403	2.85	122	5.25
10	001055	Lê Nguyễn Phương Linh	12A12	123	4.10	211	3.68	123	5.25					502	5.75	301	5.50	131	5.75
11	001162	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	12A12	124	5.00	122	4.38	124	6.25					501	6.75	402	5.00	131	7.00
12	000986	Phạm Hoàng Long	12A12	123	4.40	211	3.68	132	5.25					504	5.00	304	4.50	122	4.00
13	000773	Trần Thành Long	12A12	121	2.80	213	3.68	134	6.25					503	4.50	304	4.50	123	4.75
14	000886	Aiayua Phương Nam	12A12	122	3.15	213	3.33	134	5.25					501	3.85	302	5.20	124	4.25
15	000885	Ung Thị Thùy Ngân	12A12	121	3.30	214	3.50	121	5.75					503	6.75	304	5.50	131	6.75
16	000982	Cao Nguyễn Yến Ngọc	12A12	123	2.40	214	3.33	132	5.25					503	5.75	303	6.00	124	4.00
17	001163	Nguyễn Phúc Phương Ngọc	12A12	123	3.15	121	3.68	134	5.50					501	6.75	303	3.75	131	6.25
18	001049	Nguyễn Đình Khôi Nguyên	12A12	122	2.80	214	3.15	133	6.50					503	5.50	301	5.50	123	4.50
19	000788	Nguyễn Thị Phương Nguyên	12A12	124	3.70	214	4.38	123	6.25					504	7.00	302	6.25	132	7.00
20	000930	Phan Ngọc Quỳnh Như	12A12	123	4.30	211	3.85	131	6.75					502	6.75	301	5.00	123	5.25
21	000763	Đỗ Thị Kim Oanh	12A12	122	4.30	211	4.20	131	6.25					501	6.75	304	5.35	121	5.50
22	001214	Cao Trường Phát	12A12	124	4.80	123	3.15	133	5.50					501	5.75	402	4.10	121	4.85
23	000976	Phạm Hoàng Phúc	12A12	124	4.20	212	3.33	134	6.25					501	6.25	303	5.00	124	4.60
24	000968	Nguyễn Phú Quý	12A12	123	3.85	212	4.73	132	6.00					502	6.75	303	6.00	124	5.75
25	000897	Nguyễn Ngọc Mẫn Quỳnh	12A12	123	2.55	212	2.80	122	6.50					503	6.75	304	5.25	132	7.00
26	000878	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	12A12	122	3.70	214	4.20	134	6.50					501	6.50	302	4.75	121	4.75
27	000922	Nguyễn Lê Anh Thư	12A12	123	3.60	213	3.50	133	5.75					502	6.50	303	5.00	122	6.25
28	000778	Trần Thị Anh Thư	12A12	123	3.15	212	3.85	123	5.50					503	6.50	304	6.25	133	5.00

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
29	001041	Phạm Cao Hoài Thương	12A12	124	3.40	212	4.73	133	7.00					504	7.00	302	6.50	124	6.25
30	000849	Đỗ Cát Tiên	12A12	121	2.80	213	3.68	134	6.00					501	6.25	303	5.50	123	4.00
31	000943	Lê Thị Ngọc Tiên	12A12	124	4.60	211	4.03	132	6.50					504	7.00	301	6.00	121	6.25
32	000776	Nguyễn Hoa Cẩm Tiên	12A12	124	4.80	213	4.90	134	6.25					504	6.75	301	6.00	122	6.50
33	000847	Lê Thị Đoan Trang	12A12	124	3.90	211	3.50	132	5.50					503	7.00	301	5.25	121	3.75
34	001185	Hà Ngọc Bảo Trâm	12A12	121	2.35	123	3.68	131	5.50					502	6.00	404	4.00	122	4.25
35	000908	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	12A12	124	5.30	211	3.68	132	6.00					502	6.25	301	6.25	122	5.50
36	000866	Bùi Ngọc Tường Vân	12A12	122	4.80	212	4.55	131	6.50					704	6.50	404	4.00	122	5.75
37	001108	Lê Tường Vy	12A12	122	4.30	124	2.80	134	6.00					504	6.50	304	5.50	131	7.00
38	000862	Nguyễn Tường Vy	12A12	122	3.55	214	4.20	134	6.00					504	5.25	301	6.00	123	5.00
39	001050	Đặng Hoàng Hải Yến	12A12	121	3.60	211	4.38	121	5.25					503	6.75	303	5.75	134	7.00
40	001246	Đặng Ngọc Phi Yến	12A12	123	3.75	122	4.55	133	5.50					502	5.50	402	4.00	122	4.25
1	001101	Ngô Mỹ An	12A13	121	3.25	121	2.80	122	4.25					503	5.00	403	2.85	134	4.50
2	000810	Đào Huy Bảo	12A13	123	3.65	211	3.68	121	5.75					503	6.25	303	5.00	134	4.85
3	000998	Lữ Gia Bảo	12A13	122	3.90	211	2.98	121	7.00					502	6.50	304	5.50	133	4.75
4	001204	Nguyễn Quân Bảo	12A13	121	4.10	124	5.08	134	5.50					502	7.00	303	5.25	132	6.25
5	001123	Nguyễn Ngọc Thuần Duyên	12A13	121	4.10	123	3.68	134	6.25					504	6.50	403	5.25	124	5.50
6	001017	Nguyễn Đặng Trường Giang	12A13	121	3.35	214	3.50	122	5.50					504	5.75	304	5.00	134	5.20
7	001076	Nguyễn Thu Hà	12A13	123	3.10	121	2.98	134	6.00					501	5.75	303	5.75	133	7.00
8	000783	Hoàng Ngọc Hân	12A13	122	4.05	211	4.03	122	6.25					503	7.00	302	5.50	134	7.00
9	000967	Nguyễn Đỗ Trung Hiếu	12A13	124	3.05	214	3.50	123	5.50					503	5.50	301	5.75	131	5.00
10	000781	Dương Minh Hoàng	12A13	123	3.25	214	3.85	121	4.25					502	6.25	303	4.75	134	4.75
11	000894	Đào Gia Huy	12A13	121	4.35	212	4.73	122	5.75					502	6.50	301	6.25	134	5.75
12	001244	Võ Hồ Thái Khang	12A13	122	4.75	123	4.90	132	6.25					502	6.50	303	5.00	132	4.75
13	000754	Lâm Tuấn Kiệt	12A13	121	3.85	212	3.50	122	6.00					504	5.25	301	4.25	133	4.75
14	000940	Bùi Ngọc Hải Linh	12A13	122	4.30	214	4.73	124	5.25					501	6.75	301	4.50	133	4.85
15	000798	Nguyễn Ngọc Linh	12A13	121	4.20	213	5.43	123	5.25					504	6.50	304	5.75	131	4.75

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
16	000892	Nguyễn Phan Trúc Linh	12A13	121	3.50	211	3.33	122	5.50					502	6.25	304	4.60	131	4.75
17	000771	Nguyễn Phước Lộc	12A13	121	3.45	212	4.38	132	6.00					703	6.00	303	6.50	132	5.25
18	000955	Trần Duy Mạnh	12A13	122	3.90	213	3.68	124	6.25					503	6.50	301	4.50	132	7.00
19	001092	Tăng Nguyễn Trà My	12A13	123	3.35	123	4.03	133	4.50					701	2.25	402	2.60	133	4.75
20	001144	Lê Hoàng Nga	12A13	123	4.75	124	2.63	133	5.50					502	7.00	302	4.50	133	6.25
21	000980	Hoàng Thị Tuyết Nhi	12A13	124	5.50	214	5.08	122	6.25					502	6.75	304	6.00	131	6.50
22	000839	Nguyễn Thị Yên Nhi	12A13	124	4.60	211	4.20	122	5.00					504	5.75	301	4.50	131	4.75
23	001045	Trịnh Ngọc Quỳnh Như	12A13	122	4.30	214	3.50	124	4.75					504	6.00	301	5.00	131	5.00
24	000949	Trương Ngọc Huỳnh Như	12A13	123	3.00	211	3.85	123	5.50					501	6.75	303	5.75	132	7.00
25	001287	Nguyễn Tấn Phát	12A13	123	5.00	123	2.45	134	6.50					503	6.75	302	6.00	133	5.85
26	001175	Đặng Hồng Phúc	12A13	122	5.25	124	2.98	132	6.50					501	6.00	303	5.25	134	4.50
27	000947	Phạm Hồng Phúc	12A13	122	3.90	212	5.43	123	5.50					504	7.00	301	6.00	134	5.00
28	000928	Nguyễn Thiên Phước	12A13	124	2.80	214	4.90	123	5.25					502	4.25	304	5.25	134	5.10
29	000926	Đào Thị Như Quỳnh	12A13	123	3.65	213	4.38	121	5.50					501	6.75	301	5.00	131	6.50
30	000974	Nguyễn Chí Tài	12A13	121	2.90	213	3.50	121	6.75					503	5.50	304	5.25	133	5.75
31	001043	Ngô Trúc Thi	12A13	123	4.50	213	4.55	122	5.75					503	6.00	302	5.25	133	5.75
32	001137	Nguyễn Hồ Anh Thư	12A13	122	4.10	121	3.50	133	6.50					503	6.25	403	5.75	122	6.25
33	001247	Nguyễn Lê Anh Thư	12A13	123	4.60	122	2.80	131	5.25					504	6.50	304	5.00	133	6.50
34	001058	Vũ Thị Anh Thư	12A13	123	3.20	213	4.55	121	6.00					503	6.75	304	5.35	132	7.00
35	001104	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	12A13	123	4.60	124	2.10	132	6.25					503	4.35	404	4.50	123	5.35
36	001097	Mai Ngọc Phương Uyên	12A13	121	3.45	123	2.45	134	5.75					503	6.25	302	5.25	132	4.75
37	000887	Nguyễn Phạm Thanh Vân	12A13	122	5.55	213	4.73	124	7.00					503	6.75	403	5.50	123	7.00
38	001002	Trịnh Quang Vinh	12A13	122	6.00	213	4.55	123	5.50					503	6.50	301	6.00	134	6.50
1	001256	Trần Thị Trâm Anh	12A2	124	7.00	121	4.03	131	7.00	121	6.75	211	7.00						
2	000743	Huỳnh Kim Bảo	12A2	123	3.45	213	3.33	131	5.00	221	4.00	121	5.00						
3	000881	Lê Thanh Chắc	12A2	123	5.35	212	4.55	134	6.75	421	5.25	122	6.25						
4	001277	Lê Hoàng Đức Duy	12A2	122	5.30	121	3.15	132	6.00	121	5.25	212	5.35						

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
5	001067	Cao Ngọc Thùy Dương	12A2	121	6.25	213	5.08	133	6.50	321	6.00	122	5.75						
6	001235	Đoàn Tấn Đạt	12A2	122	4.20	121	3.50	134	5.75	121	3.60	212	4.25						
7	001128	Phạm Thúy Đình	12A2	122	5.75	121	3.33	131	6.25	221	6.00	214	6.25						
8	001145	Đinh Xu Han	12A2	124	5.35	123	3.15	131	6.25	221	4.50	213	5.00						
9	001176	Nguyễn Dũng Nhân Hậu	12A2	121	5.90	123	2.80	132	5.50	421	5.25	213	4.25						
10	001164	Bùi Nguyễn Minh Hoàng	12A2	121	4.15	124	1.93	134	5.75	321	3.75	212	3.60						
11	000758	Nguyễn Trần Gia Huy	12A2	123	5.15	214	3.50	134	6.75	221	4.50	124	6.50						
12	001106	Phan Phạm Thành Huy	12A2	124	3.90	123	3.50	131	2.75	421	3.10	213	4.50						
13	001011	Nguyễn Tuấn Hưng	12A2	122	3.50	213	4.03	133	6.25	321	4.00	122	4.25						
14	001216	Nguyễn Vũ Minh Hương	12A2	123	4.20	121	2.45	131	5.00	321	3.75	211	4.50						
15	001042	Lê Trọng Hữu	12A2	124	3.60	214	3.68	131	4.75	321	4.25	121	5.25						
16	000756	Nguyễn Mai Hoàng Khang	12A2	122	4.60	211	4.20	133	6.25	121	4.50	123	6.75						
17	001038	Nguyễn Vũ Anh Khoa	12A2	123	5.35	214	3.68	131	6.50	221	4.75	124	6.25						
18	000800	Trịnh Anh Khoa	12A2	122	4.80	212	3.15	134	6.25	421	4.50	124	6.00						
19	001120	Nguyễn Thanh Anh Khôi	12A2	122	3.85	122	2.45	133	6.25	221	3.75	214	4.75						
20	001057	Phan Ngô Anh Khôi	12A2	122	3.90	212	3.68	133	5.50	321	2.50	121	3.50						
21	001005	Phạm Lê Thanh Long	12A2	123	4.60	212	4.73	134	6.75	421	4.35	121	5.75						
22	000750	Vũ Hoàng Nhật Long	12A2	121	2.75	214	3.15	131	6.25	321	4.00	121	5.75						
23	000794	Đoàn Minh Mẫn	12A2	123	2.55	211	3.50	133	5.50	121	3.00	123	4.75						
24	001051	Dương Khải Minh	12A2	123	4.75	213	4.38	131	6.00	421	6.50	123	6.25						
25	000769	Nguyễn Hải Nam	12A2	123	5.30	213	3.68	133	6.75	121	4.25	124	5.00						
26	000813	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12A2	124	4.20	212	3.68	133	6.25	421	6.00	122	6.25						
27	000841	Phạm Thanh Nhật	12A2	123	4.80	212	3.68	133	6.25	321	4.00	121	5.75						
28	001259	Nguyễn Võ Quỳnh Như	12A2	121	5.35	124	3.33	131	6.25	221	4.50	213	6.75						
29	000997	Trần Đặng Tuấn Phát	12A2	123	5.25	214	4.20	132	6.75	121	6.00	124	6.25						
30	000855	Nguyễn Anh Quân	12A2	124	4.65	214	4.55	132	6.50	221	5.75	123	6.75						
31	001109	Phan Vĩnh Quân	12A2	124	3.85	123	3.33	133	6.00	221	4.25	212	4.75						

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
32	001024	Trịnh Minh Quân	12A2	124	5.05	213	3.50	133	5.50	421	5.75	121	6.25						
33	001131	Lê Tấn Tài	12A2	123	3.70	124	2.98	134	6.25	321	5.00	214	6.75						
34	001240	Trần Kim Thanh	12A2	124	4.90	121	3.68	131	6.00	121	5.50	213	6.25						
35	000924	Võ Kim Thắng	12A2	124	4.65	212	3.15	132	5.50	121	5.75	122	6.75						
36	000916	Dương Trọng Tấn Thịnh	12A2	124	3.70	214	4.03	133	6.00	321	4.25	124	5.50						
37	000962	Đặng Huỳnh Trường Thịnh	12A2	124	3.70	212	3.50	131	6.00	221	3.35	121	4.75						
38	001008	Nguyễn Cao Đức Tiến	12A2	123	5.30	214	4.03	133	7.00	321	3.25	123	5.75						
39	001037	Nguyễn Hoàng Tiến	12A2	121	2.90	212	1.75	132	5.00	421	1.75	123	3.75						
40	000799	Võ Minh Tiệp	12A2	121	4.10	213	4.03	133	6.75	421	4.00	123	5.75						
41	001219	Nguyễn Minh Trí	12A2	124	4.00	123	6.13	131	4.50	221	0.25	212	4.00						
42	001159	Huỳnh Thanh Tuấn	12A2	123	4.90	121	2.63	134	6.25	221	4.50	213	5.25						
43	000770	Phan Long Vĩ	12A2	121	5.75	212	5.08	132	6.25	121	5.75	122	6.75						
44	000814	Lê Võ Thành Vinh	12A2	121	3.10	213	4.38	131	6.25	421	4.75	122	5.25						
45	001251	Nguyễn Vũ Thúy Vy	12A2	124	6.05	124	4.38	134	6.00	421	5.25	211	5.50						
46	001031	Quách Ngọc Thảo Vy	12A2	124	5.50	213	3.50	134	6.00	421	3.75	121	5.75						
1	000768	Đoàn Tuấn An	12A3	122	4.30	213	4.20	133	3.75	221	3.75	124	4.75			402	4.35		
2	000812	Trần Ngọc Thanh An	12A3	124	4.60	212	2.63	132	6.25	121	4.50	122	5.25			402	5.00		
3	001048	Nguyễn Quốc Anh	12A3	121	4.10	212	2.80	133	6.75	321	4.25	214	4.00			301	5.50		
4	000787	Nguyễn Tuấn Anh	12A3	122	3.45	212	4.55	134	4.50	421	2.50	124	4.60			404	3.25		
5	000883	Phạm Thị Hồng Ánh	12A3	124	5.80	211	3.85	133	6.00	321	3.50	124	5.00			404	5.00		
6	000931	Nguyễn Hoài Ân	12A3	123	4.75	213	5.08	134	6.50	221	5.50	123	6.50			402	5.75		
7	000840	Trần Văn Bách	12A3	121	4.50	214	3.50	134	5.50	421	3.00	124	5.25			402	4.10		
8	000979	Đặng Võ Gia Bảo	12A3	124	4.85	211	3.85	131	5.50	221	2.25	124	4.50			404	2.85		
9	000900	Trần Gia Bảo	12A3	124	2.20	212	2.98	133	3.25	421	2.75	121	2.75			403	3.35		
10	000994	Nguyễn Hồng Đức	12A3	121	5.25	211	3.15	131	5.25	421	0	121	5.00			403	5.25		
11	000898	Nhữ Quang Đức	12A3	123	3.35	211	3.33	134	5.50	321	4.00	121	3.85			403	4.50		
12	001208	Trần Ngọc Hiệp	12A3	121	5.75	124	2.80	131	6.25	221	4.50	213	4.00			402	5.25		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
13	000965	Nguyễn Việt Hoàng	12A3	121	4.15	211	3.50	131	6.25	321	3.25	124	3.60			401	4.10		
14	000973	Đổng Nhật Huy	12A3	121	4.25	214	3.33	133	5.50	321	3.75	122	5.75			402	6.25		
15	000969	Kiều Minh Khoa	12A3	121	4.55	213	3.68	132	6.50	421	5.00	123	5.00			402	4.25		
16	000992	Nguyễn Đăng Khoa	12A3	122	3.85	214	2.45	133	6.50	121	2.75	213	4.50			301	5.25		
17	000919	Lê Minh Kiệt	12A3	121	3.50	212	4.73	131	5.75	421	3.50	124	5.25			404	4.50		
18	000869	Lê Thùy Linh	12A3	121	5.55	211	3.85	131	6.50	221	5.75	123	6.25			402	4.75		
19	001248	Lê Thị Hồng Loan	12A3	122	2.90	121	1.58	132	5.75	421	2.00	211	4.25			401	4.00		
20	000890	Nguyễn Võ Minh Long	12A3	124	4.60	212	2.80	123	4.75	721	3.75	212	3.75			302	5.75		
21	001280	Hoàng Tuyết Minh	12A3	124	4.55	122	3.50	132	6.50	421	3.75	214	5.50			403	5.25		
22	001139	Nguyễn Phúc Lê Minh	12A3	123	3.85	121	3.15	133	6.00	321	3.50	212	4.85			403	4.75		
23	000905	Đặng Hoàng Nam	12A3	123	5.30	213	4.38	132	6.75	121	4.50	122	5.50			403	5.10		
24	001030	Trần Quỳnh Ngọc	12A3	121	5.75	212	4.03	133	6.00	121	6.00	123	6.00			404	5.00		
25	000903	Nguyễn Hữu Nhân	12A3	122	3.85	212	3.33	132	6.75	321	4.25	121	4.60			403	4.75		
26	000767	Nguyễn Thảo Nhi	12A3	123	4.80	211	4.20	134	6.00	421	3.75	123	4.25			402	4.60		
27	000786	Nguyễn Huỳnh Như	12A3	122	3.05	211	3.15	124	5.50	321	3.75	211	4.25			402	4.50		
28	000809	Lê Hoàng Phú	12A3	122	5.75	214	4.73	133	6.25	421	6.00	123	6.25			401	5.75		
29	000837	Nhan Thành Phú	12A3	122	5.55	212	4.20	131	5.75	421	3.25	123	5.00			402	4.75		
30	001064	Nguyễn Hoàng Bảo Phúc	12A3	123	4.25	212	2.45	131	5.50	221	2.25	122	3.85			404	3.25		
31	001200	Nguyễn Mai Phương	12A3	123	6.05	124	4.55	133	5.50	121	6.25	213	6.50			404	6.50		
32	000964	Phạm Trung Tài	12A3	121	5.75	214	4.55	132	6.50	321	4.75	121	5.75			404	5.10		
33	000831	Trần Trí Thọ	12A3	124	5.55	214	2.10	133	6.00	421	3.25	123	5.35			403	4.25		
34	000993	Nguyễn Anh Thư	12A3	121	5.75	211	3.85	131	6.25	321	4.25	122	7.00			404	5.75		
35	001039	Nguyễn Cao Anh Thư	12A3	124	4.85	211	3.33	134	6.25	321	4.25	122	5.25			401	6.00		
36	000958	Nguyễn Thị Thu Trang	12A3	124	5.30	213	4.03	134	6.00	321	3.35	122	5.00			401	4.35		
37	000845	Nguyễn Trần Quỳnh Trâm	12A3	121	5.10	213	4.03	132	6.75	221	4.75	124	6.25			404	4.85		
38	000774	Lê Minh Trí	12A3	123	4.10	214	2.80	132	6.25	221	3.25	124	4.75			403	2.00		
39	000956	Phạm Lê Minh Trung	12A3	121	5.25	214	2.98	132	5.50	221	2.75	124	6.00			402	4.60		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
40	000825	Ngô Xuân Trường	12A3	121	4.10	212	3.68	131	6.00	221	2.35	122	5.75			403	5.00		
41	001052	Lê Thị Thanh Tuyền	12A3	122	3.90	214	2.98	134	5.75	221	2.60	122	4.10			401	4.60		
42	000906	Ngô Thanh Vi	12A3	123	5.75	214	4.38	133	6.00	321	5.00	124	5.00			401	5.75		
43	000823	Trương Quốc Vinh	12A3	123	2.55	211	3.68	132	6.25	121	3.00	124	4.75			401	4.50		
44	001283	Nguyễn Huỳnh Bảo Vy	12A3	121	4.30	121	3.68	133	6.00	121	4.10	213	5.50			402	4.60		
1	001218	Khuong Vũ Tuyết An	12A4	122	5.05	122	3.50	133	6.00	121	4.50	214	4.10					132	6.25
2	001224	Đặng Quỳnh Anh	12A4	123	4.50	124	4.38	133	6.25	121	4.10	214	5.25					133	6.00
3	001082	Trần Quế Anh	12A4	122	5.55	124	2.63	134	4.75	421	4.00	212	5.25					132	5.00
4	001147	Lâm Gia Bảo	12A4	121	3.00	121	4.90	133	5.50	321	2.75	212	3.75					131	4.50
5	001250	Thái Thị Ngọc Bích	12A4	124	5.25	124	3.33	131	6.25	421	4.50	214	6.25					132	6.50
6	001282	Lê Hoàng Bảo Châu	12A4	121	4.10	121	3.15	131	5.25	121	4.25	213	5.00					134	5.00
7	001141	Nguyễn Lê Ngọc Châu	12A4	122	5.55	124	3.33	132	6.25	321	3.25	211	5.75					134	5.50
8	001158	Lê Hoàng Danh	12A4	124	4.65	123	3.33	134	5.75	321	4.60	211	5.75					132	4.60
9	001271	Cao Hoàng Nhật Duy	12A4	123	5.55	123	3.85	132	6.25	121	5.50	212	6.25					133	5.75
10	001170	Nguyễn Huỳnh Hà Duyên	12A4	124	4.85	122	3.68	132	5.75	321	3.50	212	5.50					132	6.00
11	000875	Mã Gia Huy	12A4	124	5.55	214	3.50	132	6.25	421	4.00	121	5.25					131	7.00
12	000971	Nguyễn Gia Huy	12A4	124	5.35	213	4.03	134	6.50	221	3.75	122	5.75					131	6.75
13	001122	Bùi Minh Khang	12A4	123	5.05	124	3.15	132	6.50	121	4.25	213	4.25					134	4.75
14	000850	Đỗ Phúc Khang	12A4	124	4.60	212	3.85	134	4.25	421	3.10	122	4.75					134	5.85
15	001202	Bùi Nguyễn Minh Khôi	12A4	122	5.05	123	3.15	134	6.00	421	4.25	214	5.00					132	5.25
16	000942	Nguyễn Nhật Anh Kiệt	12A4	121	4.90	211	4.73	134	5.75	121	3.85	122	5.75					134	7.00
17	001111	Bùi Thị Kha Lan	12A4	122	6.30	124	3.50	134	7.00	321	5.75	214	7.00					133	7.00
18	001288	Trần Thị Ngọc Lan	12A4	124	4.80	124	3.15	134	5.75	421	5.25	212	4.75					133	7.00
19	000938	Trần Tổng Mỹ Linh	12A4	121	4.35	211	4.55	132	6.00	221	4.25	121	6.25					132	7.00
20	000826	Lưu Chúc Loan	12A4	122	5.35	213	4.55	132	6.00	421	3.00	124	4.25					132	5.50
21	001133	Trần Xuân Long	12A4	122	5.80	123	2.28	131	6.50	421	4.00	212	4.25					132	6.10
22	001100	Phạm Lê Thảo Ly	12A4	123	5.10	122	3.85	132	6.50	321	3.85	211	5.25					133	5.50

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
23	001181	Trương Hải My	12A4	121	4.10	121	2.63	133	6.00	121	4.75	211	5.75					132	6.25
24	001156	Nguyễn Gia Nghi	12A4	121	5.75	121	3.33	134	6.25	821	6.75	122	6.50					132	6.25
25	001274	Thạch Thị Quỳnh Như	12A4	121	3.30	124	1.93	132	5.75	121	2.50	212	2.50					132	5.25
26	001117	Phan Nguyễn Thanh Phong	12A4	124	4.80	122	3.15	131	6.25	221	5.00	213	6.00					131	7.00
27	001085	Văn Nhật Phong	12A4	124	1.95	121	2.10	133	4.50	321	2.50	214	3.50					134	5.50
28	001150	Nguyễn Lâm Trọng Phúc	12A4	122	3.15	122	2.28	131	6.25	221	3.25	214	6.25					131	5.50
29	001194	Trần Thanh Phúc	12A4	122	5.25	121	2.98	134	6.25	421	5.75	211	6.75					132	6.10
30	001213	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	12A4	123	5.05	124	4.73	132	6.50	421	5.50	214	6.50					133	7.00
31	001253	Trần Thị Nhã Quỳnh	12A4	121	5.50	123	2.63	134	5.75	321	5.00	211	4.75					134	6.25
32	000853	Nguyễn Đoàn Thanh Tâm	12A4	121	4.35	211	3.68	121	6.00	421	4.25	213	5.50					134	6.25
33	001221	Nguyễn Huỳnh Thanh Thảo	12A4	121	6.25	123	3.33	131	6.25	421	4.25	212	5.00					131	7.00
34	001136	Huỳnh Hoa Thuận	12A4	124	6.50	124	4.55	131	6.50	221	6.25	213	6.50					131	7.00
35	001167	Lê Kim Thùy	12A4	124	5.30	124	3.50	133	5.25	221	4.25	214	5.25					132	0
36	000827	Huỳnh Nữ Thu Trang	12A4	121	3.90	214	3.33	121	5.75	121	3.00	214	3.75					134	4.60
37	000904	Nguyễn Thành Trí	12A4	122	4.75	214	4.20	132	5.75	121	4.50	124	5.00					132	6.75
38	001272	Hồ Trần Ngọc Trinh	12A4	124	5.75	123	3.50	134	6.50	121	4.25	212	5.25					132	7.00
39	001125	Lê Thị Thanh Trúc	12A4	124	5.80	122	3.50	132	6.25	221	4.00	211	6.75					134	6.50
40	001266	Trần Đình Tuấn Tú	12A4	122	6.25	121	3.33	132	5.75	421	4.35	213	6.00					133	5.50
41	001205	Điền Khánh Vy	12A4	123	5.00	122	3.85	132	6.00	421	4.00	213	5.00					132	6.25
42	001173	Lâm Thúy Vy	12A4	123	5.05	123	3.50	131	6.50	221	4.75	211	5.75					132	6.75
43	001153	Lê Trần Khánh Vy	12A4	124	3.70	122	2.28	132	5.75	121	4.00	211	3.60					131	5.50
1	000747	Nguyễn Tấn An	12A5	124	4.40	214	3.33	132	6.00			123	6.25	701	5.75	402	4.75		
2	001146	Nguyễn Văn Nam Anh	12A5	122	4.85	122	2.63	134	6.00			212	0	704	5.50	402	5.10		
3	000858	Nguyễn Tất Cẩm	12A5	122	3.25	212	2.45	131	6.25			213	5.25	701	4.85	303	5.25		
4	001065	Võ Nguyên Như Định	12A5	124	4.00	214	4.38	134	4.75			123	6.00	701	4.35	402	4.75		
5	000836	Nguyễn Tất Đồng	12A5	121	3.85	214	3.68	132	6.25			124	5.50	702	6.50	403	4.00		
6	001015	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	12A5	122	4.40	213	4.38	131	6.25			122	5.25	701	5.75	404	3.75		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
7	001023	Văn Ngọc Kim Hiền	12A5	123	3.70	211	2.80	132	5.25			121	4.75	703	5.35	404	3.10		
8	001249	Nguyễn Ban Mai Hoàng	12A5	122	3.55	121	3.33	132	6.50			213	5.00	702	3.10	404	5.25		
9	001094	Nguyễn Phi Hùng	12A5	121	5.00	121	2.98	131	6.00			213	5.75	504	7.00	301	5.75		
10	000915	Phạm Quang Huy	12A5	124	4.80	214	3.50	131	6.25			123	4.50	701	5.35	401	4.50		
11	001086	Trương Gia Hy	12A5	124	4.40	122	2.63	122	5.50			211	4.75	501	5.50	403	4.50		
12	000802	Nguyễn Bảo Khang	12A5	123	4.55	211	3.85	132	7.00			121	5.25	703	5.75	401	4.75		
13	001040	Nguyễn Minh Khang	12A5	122	3.20	213	4.55	132	5.75			122	5.50	704	4.10	401	4.25		
14	000830	Lê Quốc Khánh	12A5	122	2.90	212	3.33	131	6.75			212	5.50	704	5.00	301	5.00		
15	000959	Lê Hoàng Lân	12A5	121	3.70	211	3.85	131	5.50			123	4.25	702	5.50	401	3.10		
16	000909	Nguyễn Phi Long	12A5	121	3.50	212	3.85	131	6.75			121	5.75	704	5.00	401	5.35		
17	000957	Nguyễn Trọng Thiên Long	12A5	124	5.50	214	3.33	134	5.25			122	5.50	702	6.00	404	4.75		
18	001260	Tô Hoàng Long	12A5	122	3.85	123	3.33	134	5.25			214	6.25	702	3.60	402	4.25		
19	001034	Phạm Trần Khánh Ly	12A5	123	2.60	212	4.90	131	6.00			124	4.50	704	5.25	404	4.35		
20	001261	Nguyễn Thị Hạ Mi	12A5	124	4.30	123	2.98	132	5.00			212	4.75	504	6.00	303	4.25		
21	001110	Đoàn Thùy My	12A5	124	3.55	121	2.80	132	5.75			211	3.35	704	3.85	401	4.35		
22	000748	Nguyễn Sơn Nam	12A5	124	3.50	211	4.55	133	6.25			124	5.60	704	5.10	402	4.60		
23	000951	Trần Hà Bảo Nguyên	12A5	122	3.30	213	3.68	132	5.00			122	4.10	701	0	402	5.00		
24	000746	Dương Hoài Nhân	12A5	121	4.20	212	4.03	133	6.50			122	6.25	703	7.00	403	5.00		
25	000945	Huỳnh Ngọc Nhi	12A5	123	2.80	213	3.33	133	6.25			123	5.25	704	5.75	401	4.50		
26	000999	Lê Thị Linh Nhi	12A5	124	3.30	213	3.15	132	5.75			122	4.50	701	6.00	404	4.25		
27	000899	Hoàng Ngọc Phúc	12A5	124	5.05	212	4.55	133	6.25			122	5.00	704	6.00	403	4.60		
28	001284	Nguyễn Thanh Sơn	12A5	122	2.60	121	5.43	133	5.75			211	3.75	701	4.75	403	5.00		
29	001022	Trần Ngọc Tài	12A5	121	2.95	214	4.03	131	6.00			124	5.25	701	7.00	404	4.75		
30	001252	Đàm Phương Thảo	12A5	122	4.00	123	3.68	131	5.75			211	4.10	703	4.50	401	4.25		
31	000989	Lý Mai Thùy Tiên	12A5	123	3.35	212	4.20	133	6.50			121	5.75	704	6.00	403	5.50		
32	000872	Nguyễn Ngọc Bảo Tiên	12A5	123	4.80	213	4.03	132	6.25			123	6.00	701	6.00	401	5.00		
33	000910	Mai Ngọc Trang	12A5	121	3.70	214	4.03	132	6.50			123	5.75	704	6.00	401	5.00		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
34	000941	Nguyễn Thị Thùy Trang	12A5	122	5.80	214	4.73	131	5.75			123	5.50	704	4.00	404	4.85		
35	000868	Lê Minh Trí	12A5	123	4.15	213	3.50	134	6.50			121	5.75	702	5.50	404	5.25		
36	000751	Tạ Viết Trí	12A5	124	4.80	213	5.43	134	6.75			123	5.75	702	6.00	401	5.25		
37	001232	Trần Ngọc Thiên Triều	12A5	121	3.50	121	2.80	133	5.75			213	4.50	501	6.75	302	4.25		
38	001231	Phan Hoàng Anh Tuấn	12A5	122	3.15	121	4.38	134	5.75			212	3.85	702	6.50	402	3.75		
39	001004	Trần Thị Bích Tuyền	12A5	121	4.35	214	4.20	133	6.00			123	4.75	703	4.50	401	4.35		
40	000793	Nguyễn Hoàng Việt	12A5	122	3.70	214	5.43	131	5.50			121	5.10	702	5.00	403	4.25		
41	001088	Nguyễn Lê Thanh Vy	12A5	121	3.65	123	3.68	133	6.25			211	4.75	502	5.10	302	5.75		
42	001142	Nguyễn Ngọc Tường Vy	12A5	123	2.35	123	2.80	131	5.50			214	2.60	502	6.75	302	5.00		
1	000791	Tăng Thị Thúy An	12A6	123	3.40	212	3.85	134	5.75			213	4.00	702	5.50			124	4.25
2	001190	Nguyễn Thiên Ân	12A6	122	4.10	122	2.63	132	6.00			212	4.50	504	6.75			123	6.25
3	000996	Trương Thanh Bảo	12A6	121	4.10	212	3.15	131	6.25			123	6.00	702	4.85			131	7.00
4	001230	Phan Hạo Duy	12A6	124	5.30	124	4.73	131	6.50			214	4.25	503	7.00			121	5.00
5	001069	Ngô Thùy Dương	12A6	123	4.75	121	3.85	134	6.25			122	6.00	502	7.00			132	7.00
6	000762	Nguyễn Thùy Ánh Dương	12A6	123	3.80	212	3.68	132	6.00			121	6.50	701	6.00			131	6.75
7	001112	Đặng Gia Hân	12A6	122	5.25	122	3.33	124	5.50			213	4.75	501	7.00			132	7.00
8	001013	Nguyễn Trần Trọng Hiếu	12A6	121	5.55	214	3.50	131	6.00			121	6.00	702	5.75			134	5.25
9	000917	Lâm Nhựt Huy	12A6	121	4.30	211	3.68	134	5.25			213	4.50	701	6.00			122	0
10	001187	Võ Thị Quỳnh Hương	12A6	124	5.00	124	4.55	132	7.00			121	6.50	503	5.35			131	7.00
11	001157	Nguyễn Minh Kha	12A6	122	1.95	122	2.80	132	6.00			211	2.85	703	4.00			134	4.75
12	001270	Nguyễn Trần Anh Khoa	12A6	123	3.90	122	3.85	131	6.25			214	5.75	701	6.25			132	7.00
13	000988	Trần Hoàng Anh Kiệt	12A6	122	4.80	212	3.33	134	4.50			213	4.00	704	5.60			124	5.50
14	001007	Hoàng Ngọc Thanh Liên	12A6	122	4.30	211	4.38	134	6.25			123	5.00	704	5.50			133	7.00
15	000796	Đặng Ngọc Hoàng Long	12A6	124	3.70	212	4.20	133	6.50			124	5.25	704	6.50			134	5.75
16	001228	Phạm Phước Lộc	12A6	121	4.30	123	3.15	134	6.50			211	5.00	503	5.25			121	5.25
17	001121	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12A6	124	3.50	123	2.80	133	6.00			213	4.75	703	4.60			131	7.00
18	001201	Trần Ngọc Mai	12A6	121	3.90	122	3.33	131	5.75			212	4.50	702	4.35			131	6.75

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
19	001001	Phạm Hồng Ngân	12A6	123	5.50	214	4.20	131	6.00			124	6.50	701	5.85			131	6.75
20	001180	Nguyễn Quỳnh Thanh Ngọc	12A6	123	4.55	123	3.15	131	6.25			212	5.50	704	4.75			131	6.25
21	001047	Nguyễn Thị Yến Nhi	12A6	123	4.15	213	4.73	133	4.25			214	4.50	702	7.00			121	4.25
22	001073	Phạm Ngọc Nhi	12A6	122	4.80	123	3.33	132	6.50			214	6.00	701	4.50			133	7.00
23	001160	Nguyễn Ngọc Kim Như	12A6	121	4.80	124	3.33	134	6.75			212	6.00	704	5.25			134	7.00
24	000978	Trương Minh Phong	12A6	121	4.10	213	2.63	132	6.75			212	5.00	703	5.60			124	5.00
25	001149	Nguyễn Trần Thiên Phúc	12A6	124	4.80	123	3.68	133	6.25			213	4.75	503	7.00			122	6.50
26	001014	Lưu Minh Quyền	12A6	124	4.40	211	2.80	133	5.75			212	3.85	702	6.00			123	4.75
27	001062	Nguyễn Đăng Diệp Sơn	12A6	122	2.40	211	3.50	133	6.75			121	5.00	704	5.75			133	6.75
28	000805	Phạm Sỹ Hồng Sơn	12A6	124	3.15	212	4.20	134	5.25			211	4.25	703	4.85			124	3.85
29	000876	Phan Lê Anh Tài	12A6	121	3.70	211	4.20	133	6.75			214	5.00	701	5.50			121	4.25
30	000966	Dương Quốc Thành	12A6	124	6.05	211	3.68	134	6.00			214	5.25	703	5.25			122	4.75
31	000851	Võ Ngọc Bảo Thi	12A6	124	5.00	212	3.50	132	6.25			121	6.50	703	6.00			131	7.00
32	000757	Trần Minh Thiện	12A6	123	2.55	214	3.15	134	6.00			211	2.75	702	4.35			121	3.75
33	001211	Trần Quốc Thịnh	12A6	122	3.60	123	1.75	132	4.25			124	4.35	501	6.00			133	5.00
34	000912	Phạm Thị Hoài Thương	12A6	122	2.75	211	3.15	133	5.00			214	4.25	701	4.50			121	3.60
35	000939	Bùi Mai Trang	12A6	123	2.55	211	3.33	132	3.75			211	2.25	702	4.50			123	4.75
36	000864	Hồ Thanh Tú	12A6	123	5.30	214	3.50	133	6.25			122	6.00	701	6.50			133	7.00
37	000935	Nguyễn Ngọc Luân Vũ	12A6	123	3.50	213	4.73	132	5.75			211	5.50	703	5.50			124	4.50
38	001124	Cao Thị Hoàng Yến	12A6	122	3.40	122	2.45	134	5.50			212	3.25	703	4.10			133	5.00
1	001070	Phan Nguyễn Phương An	12A7	124	5.10	121	3.68	134	6.75	821	3.75					404	5.75	121	6.00
2	001236	Hồ Nguyễn Quỳnh Anh	12A7	121	2.95	122	2.63	134	5.75	521	3.85					403	4.35	124	5.25
3	001129	Nguyễn Quỳnh Anh	12A7	124	2.25	122	2.80	133	4.25	721	4.50					402	4.25	124	6.75
4	001107	Nguyễn Thanh Bình	12A7	122	4.40	122	2.63	133	5.75	721	3.25					403	3.50	124	5.25
5	001198	Nguyễn Đoàn Thy Cầm	12A7	122	5.75	121	3.33	134	6.75	521	6.00					401	6.00	123	5.00
6	001217	Phạm Bảo Châu	12A7	121	5.80	124	3.85	132	6.75	821	6.50					403	5.75	124	6.00
7	000946	Lê Phúc Đạt	12A7	122	5.75	212	3.15	133	6.50	321	3.75					304	5.75	131	7.00

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
8	000806	Nguyễn Hoàng Gia Hân	12A7	121	3.65	213	3.68	134	6.50	821	4.10					301	5.35	123	6.50
9	001281	Nguyễn Công Huy	12A7	124	3.65	123	2.80	131	5.75	721	3.00					404	5.35	122	5.00
10	000832	Phạm Gia Huy	12A7	121	2.60	211	3.15	124	4.50	721	3.35					301	3.25	131	5.00
11	000848	Nguyễn Hoàng Anh Kiệt	12A7	121	3.55	214	3.33	121	6.00	121	3.10					402	5.25	134	5.00
12	001169	Nguyễn Hà Quế Lam	12A7	123	4.80	123	3.68	131	6.50	621	6.25					402	6.25	122	6.50
13	000752	Hoàng Nguyễn Hải Long	12A7	124	4.15	213	3.68	133	4.75	821	1.35					304	4.25	123	4.75
14	001255	Nguyễn Vũ Luân	12A7	123	5.00	122	4.03	132	6.50	821	5.25					303	7.00	134	6.25
15	000984	Nguyễn Ngọc Thảo My	12A7	122	4.10	212	3.85	123	5.50	321	3.60					403	5.25	132	5.75
16	001132	Nguyễn Phan Thúy Nga	12A7	124	5.50	124	2.98	133	6.50	721	6.75					401	5.75	122	6.25
17	001099	Hồ Thị Ngân	12A7	123	5.75	124	4.73	133	6.25	621	5.25					404	4.85	123	6.75
18	001241	Huỳnh Thiên Ngân	12A7	123	4.50	121	3.33	131	6.25	721	4.75					401	4.50	123	5.00
19	001212	Lê Kim Ngân	12A7	121	4.50	124	2.80	131	6.50	821	4.75					401	4.85	124	6.25
20	001273	Bùi Huỳnh Thảo Như	12A7	124	4.80	122	3.85	131	6.00	521	5.75					401	5.75	122	6.75
21	001239	Trần Trịnh Duy Phong	12A7	122	4.80	124	2.98	132	7.00	521	4.00					401	5.00	124	5.25
22	001084	Dương Hồng Phúc	12A7	123	3.40	121	2.98	132	6.50	521	3.50					404	4.50	123	5.75
23	000784	Huỳnh Thị Nhã Phương	12A7	121	3.55	214	4.73	134	6.00	521	3.00					304	6.25	122	5.75
24	000761	Dương Đăng Quang	12A7	123	5.25	212	3.50	134	6.00	721	2.75					302	5.50	121	5.00
25	000744	Nguyễn Trần Hoàng Quân	12A7	124	5.10	213	4.20	123	4.75	121	3.25					401	4.75	132	4.75
26	001193	Lê Nguyễn Như Quỳnh	12A7	121	4.10	122	3.33	133	6.25	621	4.50					401	4.60	121	5.50
27	000895	Thạch sanh	12A7	122	3.70	211	3.68	124	5.25	521	3.10					404	4.60	123	4.75
28	000918	Phạm Tấn Tài	12A7	121	4.10	212	2.80	124	6.00	621	4.00					302	4.50	133	7.00
29	001012	Vũ Tiến Thành	12A7	123	3.50	212	3.85	132	6.00	821	4.00					301	5.25	122	5.25
30	001220	Phan Diệu Thảo	12A7	123	4.30	121	4.55	133	6.25	821	3.75					402	4.75	122	5.25
31	001102	Nguyễn Thị Minh Thư	12A7	121	5.25	123	2.45	132	6.25	821	4.25					403	4.75	121	5.00
32	001135	Đặng Cát Tiên	12A7	123	5.05	122	3.15	131	5.75	621	4.75					404	5.75	123	5.25
33	001130	Nguyễn Đình Tiến	12A7	121	4.30	121	3.15	131	6.50	621	5.25					304	5.60	133	6.25
34	000893	Nguyễn Bá Toàn	12A7	121	2.85	211	3.33	133	5.25	721	2.75					304	4.10	122	4.75

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
35	001191	Nguyễn Thị Bé Trâm	12A7	124	6.25	124	2.98	132	6.25	821	4.50					401	5.60	124	5.50
36	000889	Nguyễn Minh Trí	12A7	123	4.60	212	4.55	124	6.25	221	3.25					403	3.85	133	5.25
37	001054	Vũ Danh Trọng	12A7	121	3.25	213	2.45	134	4.75	521	5.00					303	6.00	124	5.25
38	000795	Mai Mạnh Trương	12A7	123	4.25	212	3.15	132	4.50	621	2.85					303	6.50	122	6.25
39	000818	Nguyễn Minh Trường	12A7	124	2.95	214	3.68	123	5.50	821	0.95					402	4.50	124	4.35
40	001285	Nguyễn Thị Thu Vân	12A7	122	4.80	124	3.85	133	6.50	421	4.50					401	5.50	132	6.00
41	000749	Lê Thế Việt	12A7	121	3.85	213	2.28	134	6.00	621	4.75					301	5.25	123	4.50
42	001210	Hoàng Quang Vinh	12A7	124	3.50	123	2.10	134	5.50	721	2.60					303	5.75	132	5.25
1	001265	Trần Ngọc Khánh An	12A8	124	3.90	123	3.33	133	5.00	521	4.25					304	5.50	133	5.60
2	001237	Lê Ngô Tuấn Anh	12A8	123	5.30	123	4.55	131	6.00	121	4.75					402	6.00	132	6.25
3	001209	Trần Gia Ân	12A8	123	4.15	124	2.63	134	6.50	721	4.25					403	4.85	123	5.25
4	000766	Nguyễn Đình Hoàng Bảo	12A8	123	4.40	214	3.33	132	6.00	121	4.25					301	6.00	134	6.50
5	001165	Trần Gia Bảo	12A8	122	5.75	123	3.33	133	6.25	721	5.75					402	6.25	122	6.50
6	001188	Nguyễn Hồ Quốc Danh	12A8	123	4.00	121	2.63	133	6.75	621	4.50					402	5.00	121	7.00
7	001087	Lê Quang Đạt	12A8	121	4.30	122	2.98	134	6.25	721	3.60					301	5.50	131	6.00
8	000977	Nguyễn Thành Đạt	12A8	100	2.16	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	123	2.50					305	5.75	129	5.5
9	001081	Trần Tiến Thành Đạt	12A8	122	5.30	123	2.10	134	6.25	821	6.25					402	5.25	121	5.60
10	000944	Võ Nguyễn Ngọc Hân	12A8	123	4.10	211	3.68	123	4.25	821	1.35					301	4.10	132	6.00
11	001203	Nguyễn Gia Hoàng	12A8	124	4.60	121	2.10	134	5.50	521	2.50					401	4.60	121	5.25
12	001229	Trần Đồng Huy Hoàng	12A8	123	6.25	122	3.68	133	6.50	321	3.75					401	6.50	134	7.00
13	001243	Nguyễn Mai Huyền	12A8	124	5.25	124	2.45	133	6.00	821	4.25					404	5.00	122	4.75
14	001151	Trần Gia Hưng	12A8	121	3.25	124	2.45	131	6.50	721	4.10					402	4.50	121	5.75
15	001113	Võ Nguyễn Xuân Hương	12A8	124	4.20	123	2.98	131	6.00	521	4.00					302	5.25	134	5.00
16	001075	Son Đăng Khoa	12A8	123	4.05	124	3.15	132	5.25	821	4.25					402	6.00	124	5.10
17	000777	Đồng Văn Anh Khôi	12A8	121	6.25	214	3.50	133	6.00	421	4.75					402	5.75	123	6.00
18	001093	Lê Minh Khôi	12A8	121	2.90	123	2.28	132	5.75	721	2.50					402	3.50	122	5.50
19	001275	Bùi Thảo Ly	12A8	121	5.55	121	3.85	131	6.00	521	4.25					402	3.85	122	6.50

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
20	001195	Trần Ngọc Minh	12A8	124	4.80	121	2.80	132	6.50	821	4.25					403	3.60	124	5.50
21	001126	Lê Thị Ánh Ngọc	12A8	123	4.85	121	3.33	131	6.25	821	4.10					404	6.25	121	6.25
22	001105	Ngô Thị Thảo Nguyên	12A8	124	4.60	121	3.68	133	6.50	621	5.75					302	6.25	132	4.85
23	001233	Nguyễn Thiện Nhân	12A8	123	4.60	124	2.80	133	6.25	521	5.25					404	5.50	123	6.25
24	001196	Ma Thị Khánh Nhi	12A8	123	4.00	122	4.20	131	6.00	521	5.75					303	7.00	131	7.00
25	001079	Châu Thảo Như	12A8	121	4.15	122	3.68	134	6.25	521	3.60					304	5.50	133	4.25
26	001119	Võ Kiều Như Phúc	12A8	121	3.25	123	3.50	131	6.00	621	4.25					302	5.00	131	6.50
27	001222	Lê Khánh Quỳnh	12A8	122	3.20	123	2.80	133	6.25	621	3.00					403	4.50	122	5.50
28	001226	Hoàng Gia Thạch	12A8	122	3.60	123	2.98	134	6.25	521	4.75					301	5.75	132	5.75
29	001258	Nguyễn Việt Thành	12A8	123	4.40	124	2.45	131	6.75	821	0.20					304	5.75	131	6.00
30	001143	Sâm Thị Thanh Thảo	12A8	121	4.75	121	3.33	132	6.25	621	5.50					403	5.50	121	6.00
31	001116	Trương Thị Thanh Thảo	12A8	122	4.00	122	2.28	132	5.25	621	2.00					303	3.10	134	4.75
32	001103	Nguyễn Trần Anh Thế	12A8	123	3.70	122	1.58	132	6.50	721	2.25					302	6.50	132	5.25
33	001071	Nguyễn Minh Thư	12A8	121	5.75	122	2.63	132	6.25	521	4.50					302	6.25	134	6.75
34	001078	Trần Minh Tiến	12A8	124	4.50	122	3.50	131	6.25	821	4.25					401	6.00	123	5.00
35	001286	Phan Bùi Bảo Trâm	12A8	123	3.75	122	2.80	134	5.75	721	4.35					403	3.45	123	4.50
36	001206	Lê Huỳnh Phương Trinh	12A8	124	4.20	123	2.63	134	5.75	521	3.50					403	4.10	121	4.75
37	001118	Nguyễn Thành Trung	12A8	123	4.05	123	2.80	132	5.75	721	4.25					401	5.75	124	4.75
38	001089	Phạm Trọng Trường	12A8	122	4.10	123	3.15	131	6.25	721	5.75					401	5.50	122	6.75
39	001033	Nguyễn Phương Uyên	12A8	121	0.00	214	3.15	123	3.25	521	2.5					404	0.00	124	0.00
40	001225	Nguyễn Huỳnh Yến Vân	12A8	121	6.00	121	3.68	131	6.25	521	5.50					403	5.75	124	7.00
41	001257	Huỳnh Ngọc Phương Vy	12A8	122	2.60	121	2.63	133	5.50	821	3.75					404	3.00	123	3.75
42	001115	Huỳnh Nguyễn Xuân Vy	12A8	122	3.50	124	2.63	134	5.50	621	5.00					403	5.25	123	4.25
43	001278	Lê Phương Vy	12A8	123	4.50	123	2.28	132	5.00	521	3.00					401	3.75	121	4.75
1	001000	Bùi Nguyễn Thái Hoàng Anh	12A9	121	4.90	212	3.85	121	6.00	721	3.60					302	0	134	6.75
2	000952	Đông Thị Vàng Anh	12A9	123	3.25	213	3.85	134	6.00	521	4.10					302	5.50	121	4.00
3	000933	Hàm Tuấn Anh	12A9	124	3.90	212	4.20	133	5.50	621	4.35					304	6.00	123	6.00

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
4	001046	Phí Phương Anh	12A9	124	2.95	211	4.20	134	6.50	621	4.10					302	5.25	122	6.25
5	000838	Nguyễn Trường Gia Bảo	12A9	124	4.30	213	4.38	124	6.00	621	5.00					302	4.25	132	6.75
6	001172	Nguyễn Nghiêm Bảo Bình	12A9	121	2.60	121	3.85	134	5.75	721	4.75					304	3.25	131	5.75
7	000764	Kiều Ngọc Diễm	12A9	122	5.30	211	4.55	121	6.00	521	5.75					304	6.00	131	5.10
8	001021	Lương Trần Quỳnh Hoa	12A9	122	4.10	212	5.25	121	5.75	721	5.50					301	5.75	134	6.25
9	000877	Nguyễn Thị Hòa	12A9	121	3.90	211	3.68	122	4.50	621	3.25					402	3.75	124	5.75
10	001189	Nguyễn Lê Minh Hoàng	12A9	121	6.00	123	6.48	132	7.00	121	6.10					401	6.50	133	7.00
11	000779	Lê Thị Thanh Hương	12A9	124	5.00	211	4.20	124	6.00	621	6.50					302	5.75	133	6.75
12	000873	Nguyễn Đăng Khoa	12A9	123	2.80	214	3.50	133	5.50	621	4.75					303	4.10	121	5.50
13	001127	Lê Đăng Khôi	12A9	121	4.60	123	3.85	134	6.25	821	6.50					302	5.75	132	6.50
14	000911	Nguyễn Chi Kiên	12A9	122	3.45	213	3.68	133	6.00	621	5.00					303	4.50	123	5.00
15	000867	Trương Nhật Long	12A9	122	2.85	213	3.68	133	5.50	721	1.75					304	5.75	121	4.00
16	001242	Trần Chi Mai	12A9	121	5.55	124	5.78	131	6.75	121	4.00					404	3.50	133	5.00
17	001032	Phạm Lê Thảo My	12A9	122	4.50	211	4.55	122	5.75	521	5.75					302	5.50	134	6.75
18	000792	Thân Tấn Nam	12A9	122	3.70	213	4.03	134	6.75	221	3.60					304	5.25	133	5.75
19	000843	Nguyễn Phước Quý Nguyên	12A9	122	4.60	213	0	134	6.50	121	3.50					402	5.25	121	5.75
20	001074	Lê Minh Nhật	12A9	122	4.30	124	4.90	133	5.75	221	4.25					404	4.60	133	4.00
21	000932	Nguyễn Thanh Nhật	12A9	122	6.25	214	3.68	122	6.25	521	4.50					302	6.00	133	5.50
22	000811	Châu Thị Tuyết Nhi	12A9	123	5.50	211	4.20	132	6.25	721	5.60					304	5.50	124	7.00
23	001028	Phạm Quỳnh Ngọc Nhi	12A9	124	4.65	211	3.68	134	6.00	621	3.25					302	4.60	123	3.75
24	001026	Nguyễn Hữu Phát	12A9	121	3.60	214	4.90	132	5.00	821	4.25					303	5.00	121	5.50
25	001161	Nguyễn Ngọc Vân Phi	12A9	122	5.30	123	4.73	131	6.75	221	4.35					402	5.50	134	7.00
26	000857	Nguyễn Minh Phú	12A9	123	5.50	212	3.50	123	6.00	621	6.00					302	5.50	133	7.00
27	000880	Cao Văn Hoàng Phúc	12A9	123	4.20	213	3.15	124	6.25	821	3.50					303	5.00	131	4.75
28	001155	Trần Huỳnh Thành Quý	12A9	123	2.00	124	4.03	133	3.50	621	4.00					304	3.50	133	4.75
29	000765	Nguyễn Đặng Ngọc Sang	12A9	124	4.60	214	3.68	131	6.25	621	6.00					304	5.75	123	5.85
30	000759	Trần Minh Tâm	12A9	122	3.60	213	3.68	133	6.50	621	5.50					301	5.50	122	6.00

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
31	001060	Phạm Đức Thiện	12A9	124	2.30	212	3.15	134	5.75	721	2.35					Vắng	Vắng	122	4.50
32	000970	Võ Hữu Thọ	12A9	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng					Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
33	001010	Từ Anh Thư	12A9	124	4.00	211	4.55	133	5.00	721	3.50					301	4.25	123	5.00
34	000755	Nguyễn Hoàng Minh Thy	12A9	122	5.10	211	3.85	133	6.25	721	5.50					301	5.50	122	5.75
35	000829	Nguyễn Phụng Tiên	12A9	123	3.35	213	3.15	122	6.00	721	6.25					304	5.50	134	6.75
36	001056	Phạm Quang Tiến	12A9	124	4.15	214	3.50	131	6.75	521	4.75					303	5.75	121	5.00
37	000797	Nguyễn Kiều Thiên Trinh	12A9	124	4.90	211	4.20	134	6.00	821	4.75					301	4.75	124	5.75
38	000891	Trần Ngọc Thanh Trúc	12A9	124	4.60	214	3.85	134	6.00	621	5.75					303	5.75	124	5.50
39	000937	Nguyễn Doãn Trung	12A9	122	2.20	214	2.28	131	4.25	221	2.60					404	2.60	122	5.25
40	000985	Bùi Thị Phương Uyên	12A9	123	5.50	211	4.03	122	6.25	521	6.25					301	5.75	134	7.00
41	001184	Lê Hồng Xuyên	12A9	123	3.55	121	2.98	134	2.25	121	3.00					401	5.25	133	6.00
42	001077	Nguyễn Thị Hải Yến	12A9	124	5.50	121	3.68	132	6.00	321	4.75					401	5.50	132	7.00